

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 195-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 1990

NGHỊ ĐỊNH

Về việc thi hành pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1

Bộ Thủy sản và Ủy ban nhân dân các cấp theo chức năng của mình chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản chung cả nước và ở từng địa phương theo các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1- Xác định tiềm năng và sự phân bố của các loài thủy sản ở các vùng nước.
- 2- Các đối tượng khai thác và đối tượng nuôi trồng thủy sản.
- 3- Diện tích nuôi trồng thủy sản hàng năm.
- 4- Cơ cấu nghề nghiệp khai thác dịch vụ thủy sản ở các vùng nước.
- 5- Sản lượng và năng suất khai thác, nuôi chế biến thủy sản hàng năm ở các vùng nước.
- 6- Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản.
- 7- Các lĩnh vực khác có liên quan đến bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Thẩm quyền xét duyệt quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản thực hiện theo quy định tại điều 17 của Pháp lệnh.

Điều 2

a) Khu vực cấm khai thác là:

Khu vực có các loại thủy sản tập trung sinh sản quanh năm.

Khu vực có những loại thủy sản chưa trưởng thành sống tập trung quanh năm.

Khu vực bảo tồn, bảo tàng của các loại thủy sản.

b) Khu vực cấm khai thác có thời hạn là:

Khu vực có một số loài thủy sản tập trung sinh sản trong một thời gian.

Khu vực có một số loài thủy sản chưa trưởng thành sống tập trung trong một thời gian nhất định.

Căn cứ vào tập tính các loài thủy sản và dựa trên tình hình thực tế cần bảo vệ, nay quy định khu vực cấm khai thác và cấm khai thác có thời hạn các loài thủy sản nằm trong các vùng nước sau đây:

1- Vùng biển nói ở điểm a, điểm b Điều 2.

2- Vùng biển thuộc các tuyến đảo trọng điểm.

3- Vùng biển chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn thuộc hệ thống sông Hồng và sông Cửu Long.

4- Khu vực rừng ngập mặn.

5- Một số vùng nước khác cần bảo vệ các loài đặc sản quý, hiếm có giá trị kinh tế cao ở biển và ở hồ chứa lớn.

Căn cứ vào những quy định trên đây, Bộ trưởng Bộ Thủy sản thống nhất với các ngành và các địa phương có liên quan xác định ranh giới, tọa độ trên hải đồ và trên thực địa các khu vực cấm khai thác và cấm khai thác có thời hạn và công bố thi hành.

Điều 3

Những căn cứ, trình tự và thẩm quyền giao vùng nước để khai thác, nuôi trồng hoặc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

1- Những căn cứ để xem xét khi giao vùng nước.

a) Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng vùng nước để khai thác, nuôi trồng hoặc bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt (quy định tại điều 17 của Pháp lệnh).

b) Căn cứ vào mục đích, yêu cầu sử dụng vùng nước của tổ chức, cá nhân đã ghi trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Những vùng nước được giao phải là vùng nước nằm trong quy hoạch đã được duyệt.

2- Trình tự và quy định khi xem xét giao vùng nước.

a) Tổ chức, cá nhân xin sử dụng vùng nước để khai thác, nuôi trồng hoặc bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải làm đơn, kèm theo luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được duyệt và có chứng nhận của chính quyền nơi mình ở, nộp cho cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định khi giao vùng nước.

b) Việc giao vùng nước đang sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi vùng nước đó của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại mục b khoản 6 của điều này.

c) Cơ quan có thẩm quyền xem xét ra quyết định giao vùng nước cho tổ chức, cá nhân sử dụng phải làm xong không quá 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3- Thẩm quyền giao vùng nước:

a) Việc giao vùng nước thuộc phần đất nông nghiệp (ruộng) và các vùng nước thuộc đất chuyên dùng như: ao, hồ, đầm phá, sông cụt cho tổ chức, cá nhân khai thác, nuôi trồng, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản thực hiện theo quy định tại điều 13 về thẩm quyền giao đất của Luật đất đai.

b) Việc giao các vùng nước thuộc sông lớn, vùng lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam cho tổ chức, cá nhân, kể cả người nước ngoài khai thác, nuôi trồng, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có quy định riêng và do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

4- Cấp giấy chứng nhận sử dụng vùng nước và giải quyết tranh chấp:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vùng nước, việc thanh tra giải quyết tranh chấp quyền sử dụng vùng nước và thu nộp lệ phí khi làm thủ tục nhận vùng nước thực hiện theo quy định tại các điều 13, 14, 15, 16, 17 của Nghị định số 30-HĐBT ngày 23-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai.

5- Thời hạn sử dụng vùng nước:

Thời hạn cho phép tổ chức, cá nhân nhận vùng nước nói tại mục a khoản 3 của điều này để khai thác, nuôi trồng hoặc bảo vệ nguồn lợi thủy sản từ 5 năm trở lên, do cơ quan có thẩm quyền giao vùng nước quyết định.

6- Thẩm quyền thu hồi vùng nước:

a) Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần vùng nước đã giao cho tổ chức, cá nhân sử dụng để khai thác, nuôi trồng hoặc bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong các trường hợp sau đây: